| | |
|---|---|
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT<br>**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 925/QĐ-CĐĐB-KTKĐ | *Lạng Sơn, ngày 04 tháng 11 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận thí sinh đủ điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Nghề Lâm sinh và nghề Thú y**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC

*Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-CĐĐB-TCHC ngày 12/12/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận số 07/BLĐTBXH-GCNHĐ, ngày 09/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;*

*Căn cứ văn bản số 854/BLĐTBXH-TCGDNN, ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố bổ sung lịch trình tổ chức các kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia năm 2021;*

*Căn cứ văn bản số 615/CĐĐB-KTKĐ, ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng về việc tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia năm 2021, Kỳ thứ XI;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm 2021, ngày 03/11/2021;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Hội đồng xét điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNN quốc gia năm 2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 58 thí sinh đủ điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia nghề Lâm sinh và nghề Thú y, gồm các Ông/Bà có tên sau:

*(có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Thí sinh tham dự đánh giá có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP, ngày 24/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Hội đồng xét điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNN quốc gia năm 2021, thủ trưởng các đơn vị liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như Điều 3;<br>- Lưu: VT, KTKĐ. | **KT.HIỆU TRƯỞNG**<br>**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**<br><br>**Lưu Văn Hưng** |

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ**
**VÀ NÔNG LÂM ĐÔNG BẮC**

# DANH SÁCH
## Thí sinh đủ điều kiện tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia
## Nghề Lâm sinh và nghề Thú y
*(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-CĐĐB-KTKĐ, ngày 04/11/2021)*

## I. Nghề Lâm sinh

| Số TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | CCCD/CMND/ Hộ chiếu | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số | Ngày cấp | |
| 1 | Vũ Thị Hồng Yến | Nữ | 23/08/1980 | 063445007 | 23/1/2013 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 2 | Lê Hải Yến | Nữ | 22/09/1982 | 0630471129 | 01/04/2015 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 3 | Dương Thị Thảo Chinh | Nữ | 28/11/1981 | 063057946 | 06/06/2018 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 4 | Vũ Hồng Phúc | Nữ | 21/10/1984 | 063103435 | 08/07/2009 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 5 | Hoàng Thị Hương | Nữ | 28/01/1985 | 080326056 | 07/11/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 6 | Lê Tuyết Hương | Nữ | 29/8/1984 | 080411263 | 20/12/2016 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 7 | Lý Thị Thương | Nữ | 09/02/1992 | 085036988 | 29/7/2010 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 8 | Đoàn Nam Thành | Nam | 26/08/1976 | 044076002103 | 03/01/2020 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 9 | Lê Thị Thanh Thủy | Nữ | 15/10/1979 | 194105156 | 15/08/2013 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 10 | Trần Thị Phương Thảo | Nữ | 12/07/1982 | 044182000264 | 01/07/2016 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 11 | Lê Minh Đăng | Nam | 10/11/1987 | 044087003736 | 12/09/2019 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 12 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 16/02/1981 | 044181003282 | 11/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 13 | Trần Thị Hải Yến | Nữ | 25/09/1986 | 044186000787 | 14/08/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 14 | Nguyễn Văn Đại | Nam | 05/01/1976 | 050611023 | 05/06/2006 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |

| Số TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | CCCD/CMND/ Hộ chiếu | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số | Ngày cấp | |
| 15 | Vì Văn Toàn | Nam | 11/07/1975 | 014075002439 | 10/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 16 | Bùi Thị Thanh | Nữ | 18/9/1989 | 142555431 | 30/11/20206 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 17 | Tô Thị Hồng Gấm | Nữ | 11/08/1977 | 034177011511 | 24/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 18 | Nguyễn Hoài Bắc | Nam | 21/09/1980 | 050391731 | 13/05/2019 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 19 | Lê Thị Hạnh | Nữ | 01/10/1983 | 051118735 | 01/08/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 20 | Nguyễn Văn Chuyên | Nam | 23/07/1986 | 030086012412 | 12/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 21 | Chu Văn Tiệp | Nam | 09/11/1988 | 001088008625 | 10/11/2015 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 22 | Nguyễn Lương Thiện | Nam | 01/01/1988 | 050550010 | 03/12/2005 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |

## II. Nghề Thú y

| Số TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | CCCD/CMD/ Hộ chiếu | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số | Ngày cấp | |
| 1 | Nguyễn Hồng Châm | Nữ | 10/10/1990 | 132009251 | 29/7/2014 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 2 | Lù Thị Lừu | Nữ | 02/7/1975 | 063000697 | 03/08/2007 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 3 | Hoàng Thu Hạnh | Nữ | 09/5/1992 | 085027603 | 05/06/ 2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 4 | Hoàng Quang Sơn | Nam | 17/01/1988 | 080542868 | 17/08/ 2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 5 | Lê Thị Nguyệt | Nữ | 07/08/1985 | 060748812 | 30/07/2012 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 6 | Phạm Thị Hạnh | Nữ | 22/08/1981 | 121443648 | 24/05/2020 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 7 | Đỗ Minh Hiếu | Nam | 23/01/1998 | 082328159 | 30/09/2014 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 8 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 26/03/1990 | 121888526 | 21/04/2020 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |

| Số TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | CCCD/CMD/ Hộ chiếu | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số | Ngày cấp | |
| 9 | Trần Thị Đào | Nữ | 01/03/1983 | 082378501 | 22/01/2018 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 10 | Hoàng Văn Quảng | Nam | 18/10/1989 | 091062667 | 05/09/2016 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 11 | Nguyễn Công Tú | Nam | 27/2/1981 | 090825581 | 21/09/2011 | Đủ điều kiện theo điểm c, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 12 | Đỗ Thị Vân Giang | Nữ | 11/10/1985 | 090978887 | 16/06/2016 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 13 | Đỗ Thị Hà | Nữ | 20/11/1982 | 092003275 | 07/11/2016 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 14 | Nguyễn Thị Bách Ngà | Nữ | 16/01/1983 | 090883260 | 12/07/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 15 | Đoàn Thị Phương | Nữ | 01/09/1980 | 091878148 | 22/10/2014 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 16 | Đặng Văn Nghiệp | Nam | 25/3/1977 | 090697299 | 03/12/2018 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 17 | Đinh Ngọc Bách | Nam | 16/10/1984 | 090806227 | 18/06/2009 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 18 | Vũ Thị Ánh Huyền | Nữ | 1/6/1986 | 090926402 | 19/04/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 19 | Trương Thị Tính | Nữ | 18/3/1985 | 091877698 | 29/08/2014 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 20 | Hoàng Văn Thiện | Nam | 29/12/1982 | 026082005464 | 03/08/2018 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 21 | Nguyễn Việt Thắng | Nam | 02/01/1976 | 050984276 | 23/01/2013 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 22 | Nông Thị Thanh | Nữ | 01/09/1978 | 014178000651 | 24/03/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 23 | Hoàng Văn Giáp | Nam | 16/06/1974 | 050912961 | 19/09/2011 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 24 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 21/12/1983 | 034183002522 | 18/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 25 | Nguyễn Thị Thu Chung | Nữ | 22/02/1984 | 001184039475 | 12/04/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 26 | Hoàng Vĩnh Lam | Nam | 26/3/1980 | 050960722 | 12/09/2012 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |

| Số TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | CCCD/CMD/ Hộ chiếu | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số | Ngày cấp | |
| 27 | Hồ Anh Thắng | Nam | 30/4/1990 | 050707471 | 26/07/2013 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 28 | Đào Thị Xuân | Nữ | 13/2/1984 | 026184001814 | 26/05/2016 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 29 | Phạm Thanh Vũ | Nam | 13/6/1978 | 026078002407 | 27/06/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 30 | Nguyễn Văn Lâm | Nam | 22/3/1987 | 026087004131 | 12/12/2017 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 31 | Phạm Thị Lan | Nữ | 29/12/1983 | 026183002862 | 11/03/2019 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 32 | Trương Tấn Huệ | Nam | 18/12/1981 | 044081001673 | 27/06/2018 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 33 | Mai Đức Trung | Nam | 03/06/1976 | 194060038 | 14/06/2012 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 34 | Nguyễn Minh Hương | Nữ | 20/06/1993 | 044193002666 | 22/11/2019 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 35 | Đoàn Văn Thái | Nam | 27/09/1970 | 191057876 | 28/11/2007 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |
| 36 | Đỗ Thị Hồng Lê | Nữ | 29/03/1997 | 044197001416 | 03/08/2021 | Đủ điều kiện theo điểm d, khoản 3, điều 16, NĐ 31/2015/NĐ-CP |